

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST  
Ngày: 28/02/2025  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
về vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

**Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;  
Bà Hà Thị Kim Thu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02A/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05A/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Tổ H, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Kim P, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ A, Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:**

Nguyên vào năm 2020, do quen biết với bà Nguyễn Kim P, nên vào ngày 18/6/2020 bà P có đến gặp ông vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và có làm giấy vay tiền với ông.

Đến ngày 22/06/2020, bà P có đến gặp ông vay thêm lần thứ hai là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và có làm giấy cầm cố cho ông một diện tích đất nền nhà tại khu phố S, thị trấn S để làm tin, thực chất đó lấy biên nhận nợ vay tiền.

Đến ngày 24/06/2020 àl, bà P đến gặp ông vay thêm lần thứ ba với số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Đến ngày 27/06/2020 àl, bà P đến gặp ông vay thêm lần thứ tư với số tiền là: 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Như vậy, bà P vay của ông tổng cộng bốn lần với số tiền là: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) và từ khi nhận tiền của ông đến nay bà P không thực hiện cam kết trả vốn và lãi cho ông, mặc dù ông đã nhiều lần gặp và yêu cầu bà P trả, nhưng bà P cố tình tránh né không gặp.

Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà P phải trả cho ông số vay gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ ngày 27/6/2020 (àl) đến khi thanh toán xong nợ cho ông.

#### **Bị đơn bà Nguyễn Kim P:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên B và Đ để thông báo tìm kiếm bà Nguyễn Kim P vắng mặt nơi cư trú. Đến hết thời hạn thì tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Nguyễn Kim P đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà P đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Trần Văn T yêu cầu bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/6/2020 (àl) là ngày 16/8/2020 dl đến ngày xét xử 28/02.2025 là 54 tháng 12 ngày với lãi suất chậm trả 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền là 18.060.800 đồng (làm tròn 18.061.000 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 58.061.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho ông.

#### *Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn bà Nguyễn Kim P, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bà P, nhưng bà P không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt tại

phiên tòa, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 58.061.000 đồng (trong đó, tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 18.061.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/3/2025 cho đến khi thi hành án xong với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Kim P phải nộp tiền án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định vụ án này như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Trần Văn T yêu cầu bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ phải trả số tiền vay còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, bị đơn bà Nguyễn Kim P có nơi cư trú tại tổ A, Khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt, nên HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Ông Trần Văn T yêu cầu bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/6/2020 (âl) là ngày 16/8/2020 dl đến ngày xét xử 28/02.2025 là 54 tháng 12 ngày với lãi suất chậm trả 10%/năm (0,83%/tháng) thành tiền là 18.060.800 đồng (làm tròn 18.061.000 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 58.061.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho ông.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, HĐXX thấy rằng:

Vào ngày 18/6/2020 bà P vay ông T số tiền 15.000.000 đồng; ngày 22/06/2020, bà P vay ông T lần thứ hai là 5.000.000 đồng và có làm giấy cầm cố cho ông một diện tích đất nền nhà tại khu phố S, thị trấn S để làm tin, thực chất đó lấy biên nhận nợ vay tiền; ngày 24/06/2020 âl, bà P vay của ông lần thứ ba với số

tiền là 5.000.000 đồng; đến ngày 27/06/2020 âl, bà P vay của ông T lần thứ tư với số tiền là: 15.000.000 đồng. Tổng cộng bốn lần vay tiền là 40.000.000 đồng. Ông T đã liên hệ với bà P để đòi số tiền này nhiều lần, nhưng bà P cứ hứa lần, hứa lượt, sau đó thì không trả và cố tình né tránh ông.

Tòa án đã tiến hành xác minh, tiến hành thủ tục đăng tin trên B và Đ để thông báo tìm kiếm bà Nguyễn Kim P vắng mặt nơi cư trú. Đến hết thời hạn thì tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Nguyễn Kim P vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Cụ thể là “Giấy cho cầm cố đất thổ cư, giấy biên nhận” (BL 19-22), buộc bà P phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả theo yêu cầu của ông T.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bà Nguyễn Kim P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền tính đến ngày xét xử (28/02/2025) là 58.061.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/3/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho ông Trần Văn T.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Kim P là người cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T, nên là chủ thể tạo ra hoàn cảnh, điều kiện phải thực hiện tổng đạt bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Do đó, phải gánh chịu hậu quả pháp lý, khi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được HĐXX chấp nhận.

Chi phí đăng Báo Công lý 1.50.000 đồng theo Hoá đơn giá trị gia tăng số 00002201 ngày 16/12/2024 và Chi phí đăng Đài tiếng nói Việt Nam 4.500.000 đồng theo Hoá đơn giá trị gia tăng số 445 ngày 12/12/2024. Tổng cộng là 6.000.000 đồng, nguyên đơn ông Trần Văn T tạm ứng và đã nộp xong. Do vậy, buộc bị đơn bà Nguyễn Kim P1 phải hoàn trả lại cho ông Trần Văn T 6.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Kim P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả cho ông Trần Văn T 58.061.000 đồng là 2.903.050 đồng (làm tròn 2.903.000 đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T được HĐXX chấp nhận, nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 467 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Buộc bà Nguyễn Kim P phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T với tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 58.061.000đ (*Năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi một nghìn đồng*), trong đó, tiền gốc 40.000.000 đồng, tiền lãi 18.061.000 đồng).

2. Chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Kim P1 phải hoàn trả cho ông Trần Văn T chi phí đăng B và Đ với số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Kim P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.903.000đ (*Hai triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.480.000đ (*Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001326 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2025); Bị đơn bà Nguyễn Kim P vắng mặt tại

phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Nguyễn Thanh H**